

DANH SÁCH LAO ĐỘNG TRÚNG TUYỂN THÁNG 3.2024

STT No.	Họ và tên/ Name	Ngày sinh/ Date of birth	Giới tính/ Gender	Số Hộ chiếu/ Passport No.	Ngành nghề/ Occupation	Thời gian dự kiến xuất cảnh/Estimated departure date
1	HỨA CHUNG CƯỜNG	03/11/2000	Nam/ Male	E01596194	Cultivation agriculture	02/07/2024

STT No.	Họ và tên/ Name	Ngày sinh/ Date of birth	Giới tính/ Gender	Số Hộ chiếu/ Passport No.	Ngành nghề/ Occupation	Thời gian dự kiến xuất cảnh/Estimated departure date
1	TRƯỜNG HOÀI BẢO	20/05/1989	Nam/ Male	E00444850	Scaffolding	07/05/2024
2	NGUYỄN VĂN THỐI	06/11/2005	Nam/ Male	E00893664	Scaffolding	07/05/2024

:

STT No.	Họ và tên/ Name	Ngày sinh/ Date of birth	Giới tính/ Gender	Số Hộ chiếu/ Passport No.	Ngành nghề/ Occupation	Thời gian dự kiến xuất cảnh/Estimated departure date
1	NGUYỄN HOÀNG HIẾU	16/08/2004	Nam/ Male	E01348265	Ready-made meal manufacturing work	27/08/2024
2	TRẦN NGỌC KHEN	27/05/1999	Nam/ Male	C8847254	Ready-made meal manufacturing work	27/08/2024
3	H RIÊT ÊBAN	10/01/2005	Nữ/ Female	E00822111	Ready-made meal manufacturing work	27/08/2024

STT No.	Họ và tên/ Name	Ngày sinh/ Date of birth	Giới tính/ Gender	Số Hộ chiếu/ Passport No.	Ngành nghề/ Occupation	Thời gian dự kiến xuất cảnh/Estimated departure date
1	HỒ VĂN BIN	26/04/2003	Nam/ Male	E01134946	Cultivation agriculture	02/07/2024
2	NGUYỄN VĂN ĐẤU	10/08/1991	Nam/ Male	E01309451	Cultivation agriculture	02/07/2024

STT No.	Họ và tên/ Name	Ngày sinh/ Date of birth	Giới tính/ Gender	Số Hộ chiếu/ Passport No.	Ngành nghề/ Occupation	Thời gian dự kiến xuất cảnh/Estimated departure date
1	HÀ THỊ KIM CHI	25/10/2004	Nữ/ Female	P03471938	Non-heated fishery processed foodstuff manufacturing work	01/08/2024
2	BUI THỊ THANH XUÂN	08/02/2003	Nữ/ Female	E01140669	Non-heated fishery processed foodstuff manufacturing work	01/08/2024

STT No.	Họ và tên/ Name	Ngày sinh/ Date of birth	Giới tính/ Gender	Số Hộ chiếu/ Passport No.	Ngành nghề/ Occupation	Thời gian dự kiến xuất cảnh/Estimated departure date
1	NGUYỄN VĂN THỊNH	22/04/2002	Nam/ Male	E01574580	Plastic molding	15/07/2024
2	NGUYỄN HÙNG VƯƠNG	10/09/2001	Nam/ Male	P02431989	Plastic molding	15/07/2024

2

STT No.	Họ tên/ Name	Ngày sinh/ Date of birth	Giới tính/ Gender	Số Hộ chiếu/ Passport No.	Ngành nghề/ Occupation	Thời gian dự kiến xuất cảnh/Estimated departure date
1	NGUYỄN MINH HÙNG	09/01/1989	Nam/ Male	C1056753	SSW - Construction Industry	08/04/2024

2

STT No.	Họ tên/ Name	Ngày sinh/ Date of birth	Giới tính/ Gender	Số Hộ chiếu/ Passport No.	Ngành nghề/ Occupation	Thời gian dự kiến xuất cảnh/Estimated departure date
1	PHỐ TRỌNG VỸ	22/04/1998	Nam/ Male	C1843958	SSW - Agriculture	02/07/2024

2

STT No.	Họ tên/ Name	Ngày sinh/ Date of birth	Giới tính/ Gender	Số Hộ chiếu/ Passport No.	Ngành nghề/ Occupation	Thời gian dự kiến xuất cảnh/Estimated departure date
1	NGUYỄN THỊ THANH KIỀU	20/06/1993	Nữ/ Female	E01207385	Ready-made meal manufacturing work	31/05/2024

STT No.	Họ và tên/ Name	Ngày sinh/ Date of birth	Giới tính/ Gender	Số Hộ chiếu/ Passport No.	Ngành nghề/ Occupation	Thời gian dự kiến xuất cảnh/Estimated departure date
1	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	17/05/2005	Nữ/ Female	E00883592	Cultivation agriculture	18/09/2024